

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐAK ĐOA
TỈNH GIA LAI
Số: 02/2018/HSST.
Ngày: 19/01/2018.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐAK ĐOA, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Viết Minh Quân.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lưu Thông.

Ông Lê Văn Do.

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Đức Quang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đak Đoa, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đak Đoa, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Phạm Thế Quang - Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 01 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đak Đoa, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 58/2017/TLST-HS, ngày 03 tháng 12 năm 2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2018/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 01 năm 2018 đối với bị cáo:

L – Tên gọi khác: không; Sinh năm: 1997, tại tỉnh G; Nơi cư trú: Làng Đê T, xã Đ, huyện Đ Đ, tỉnh G; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 6/12; Dân tộc: Bana; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Công giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông L, sinh năm 1953 và con bà A, sinh năm 1963. Gia đình bị cáo có 04 chị em, lớn nhất sinh năm 1995, nhỏ nhất sinh năm 2003, bị cáo là con thứ hai trong gia đình. Có vợ là D, sinh năm 1998. Bị cáo chưa có con; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo tại ngoại, hiện có mặt tại phiên tòa.

-Người bào chữa cho bị cáo: Ông Lê Đình Quốc – Luật sư cộng tác viên của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Gia Lai bào chữa cho bị cáo L. Có mặt.

- Bị hại: Cháu Hoàng Đại K, sinh năm: 2008 (Đã chết).

-Người đại diện hợp pháp của bị hại:

1. Chị Đào Thị T, sinh năm: 1986 (Là mẹ của bị hại).

2. Anh Hoàng Định V, sinh năm: 1980 (Là bố của bị hại).

Cùng trú tại: Làng Đê Đ, xã Đ, huyện Đ Đ, tỉnh G. Có mặt.

-Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Ông L, sinh năm: 1953.

Trú tại: Làng Ê Đê T, xã Đ, huyện Đ Đ, tỉnh G. Có mặt.

2. Chị D, sinh năm: 1998.

Trú tại: Làng M, xã Đ, huyện Đ Đ, tỉnh G. Có mặt.

-Người phiên dịch: Ông Jil – Cán bộ hưu trí. Có mặt.

NHẬN THẤY;

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 07 giờ sáng ngày 01 tháng 6 năm 2017, L điều khiển xe mô tô biển kiểm soát (BKS) 81C1–102.71 chở chị D (vợ của L), đi từ nhà tại làng Ê Đê T, xã Đ, huyện Đ Đ, tỉnh G vào rẫy mì thuộc làng Bôk R, xã Đ, huyện Đ Đ, tỉnh G để trồng mì. Đến khoảng 18 giờ cùng ngày sau khi trồng mì xong thì L điều khiển xe mô tô BKS 81C1–102.71 chở chị D đi về nhà theo hướng xã Hà Đ đi xã Đ, huyện Đ Đ, tỉnh G. Trên đường đi về chị D ngồi sau xe mô tô trên lưng mang một chiếc gùi, tay phải cầm chiếc cuốc, cán cuốc dựng đứng, phần lưỡi cuốc đặt trên đùi phải, lưỡi hướng ra ngoài. Khi xe mô tô do L điều khiển đi đến đoạn đường Km 22-59,2m, Quốc lộ 19D, thuộc địa phận làng Ê Đê, xã Đ, huyện Đ Đ lúc này khoảng 18 giờ 20 phút cùng ngày do không làm chủ tốc độ, không chú ý quan sát, đi không đúng phần đường nên xe mô tô do L điều khiển đã tông vào bánh trước của xe đạp do cháu Hoàng Đại K, sinh năm 2008 điều khiển đang chơi bên phần đường bên trái theo hướng đi của xe mô tô BKS 81C1–10271, làm xe đạp cháu K đang điều khiển bị ngã, đồng thời cháu K bị lưỡi cuốc do chị D đang cầm trên tay phải cắt vào vùng cổ, làm cháu K bị chết trên đường đi cấp cứu, chị D bị thương nhẹ. Sau khi gây ra tai nạn L bỏ trốn khỏi hiện trường, đến ngày 05/6/2017 L đến Cơ quan điều tra đầu thú về hành vi phạm tội của mình.

Theo Bản kết luận giám định pháp y về tử thi số 238/TTPY ngày 05 tháng 9 năm 2017 của Trung tâm pháp y tỉnh G kết luận nguyên nhân chết của cháu Hoàng Đại K: Vết thương ngang cổ đứt toàn bộ cân cơ, khí quản, thực quản, bó mạch thần kinh và đứt đến giữa ngành trước thân cột sống cổ C3-C4 do tai nạn giao thông.

*Hiện trường vụ tai nạn giao thông được thể hiện như sau:

Hiện trường nơi xảy ra vụ tai nạn giao thông tại Km22-59,2m, Quốc lộ 19D, thuộc làng Ê Đê, xã Đ, huyện Đ Đ, tỉnh G, đoạn đường thẳng, mặt đường được trải nhựa bằng phẳng, tầm nhìn không hạn chế. Mặt đường rộng 5,3m, lề đường phía Bắc (lề đường bên phải theo hướng xã Hà Đ đi xã Đ) rộng 0,7m; lề đường phía Nam (lề đường bên trái theo hướng xã Hà Đ đi xã Đ) rộng 0,8m.

Lấy mép đường bên phải theo hướng đi từ xã Đ đi xã Hà Đ làm chuẩn, các chỉ số dấu vết, được đo vào mép đường phải theo hướng đi trên.

Tại hiện trường trên mặt đường để lại hai vết cà, vết cà 1, ký hiệu (VC1) nằm trên mặt đường nhựa có chiều hướng xã Hà Đ đi xã Đاک sơ mei, vết cà có diện (05cm x 0,7cm) đo từ đầu vết cà 1 (VC1) vào lề đường phải là 1.95m. Vết cà

2, ký hiệu (VC2) có diện (02,5cm x 0,5cm) vết có chiều hướng từ xã Hà Đ đi xã Đak sơ me, đo từ tâm vết cả 2 (VC2) vào lề đường phải là 01,67m, đo từ tâm vết cả 1 đến tâm vết cả 2 là 0,50m.

Tại hiện trường phát hiện một vết màu nâu (nghi máu không rõ hình dạng) có diện chung là (1,8m x 0,24m) nằm trên mặt đường nhựa, đo từ tâm vết đến vết cả 2 (VC2) là 2,15m, tâm vết cách tâm trục trước của bánh xe đạp là 70cm, cách tâm trục sau của bánh xe đạp là 80cm.

Sau khi tai nạn xảy ra xe đạp nằm ngã nghiêng bên phải, đầu xe quay về hướng Nam, đuôi xe quay về hướng Bắc, yên xe quay về hướng về xã Đ, tâm trục trước xe đạp cách mép đường bên phải là 01,3m, tâm trục sau xe đạp cách mép đường bên phải là 1,9m.

Đo từ tâm trục sau của xe đạp đến trụ Km22 có số đo là 59,2m. Đo từ tâm trục sau của xe đạp vào tâm cổng nhà của ông Hoàng Đình Vĩnh là 10,20m.

Sau khi xảy ra tai nạn tại hiện trường trên mặt đường nhựa để lại một chiếc dép của nạn nhân, màu nâu, đo từ tâm chiếc dép vào mép đường phải là 01,95m.

Tại Cáo trạng số: 57/Ctr-VKS ngày 30/11/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ Đ, tỉnh G truy tố bị cáo L về tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ” theo quy định tại điểm a, c khoản 2 Điều 202 Bộ luật hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa vị đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo L phạm tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ” và đề nghị áp dụng :

- Áp dụng điểm a, c khoản 2 Điều 202; điểm b, p khoản 1, 2 Điều 46; Điều 47 BLHS năm 1999 xử phạt bị cáo L từ 24 tháng đến 30 tháng tù.

- Căn cứ: điểm c, khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Xử tịch thu và tiêu huỷ: 01 chiếc cuốc, lưỡi bằng kim loại, kích thước 27 cm x 20 cm; cán bằng gỗ dài 93 cm, đường kính rộng 03 cm.

Người bào chữa cho bị cáo L nhất trí với bản luận tội của vị đại diện Viện kiểm sát công bố về tội danh, điều khoản mà Viện kiểm sát đã truy tố đối với bị cáo L và đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo L mức hình phạt thấp hơn mức hình phạt mà vị đại diện Viện kiểm sát đã đề nghị.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, người đại diện hợp pháp cho người bị hại và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN :

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đ Đ, Kiểm sát viên của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ Đ, người bào chữa cho bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện

đúng theo quy định của pháp luật. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa hôm nay, sau khi Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ Đ công bố bản cáo trạng thì bị cáo L đã thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng đã nêu. Lời khai nhận tội của các bị cáo hoàn toàn phù hợp với lời khai của người đại diện hợp pháp cho người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, tang vật vụ án được thu giữ, phù hợp với kết luận điều tra của Công an huyện Đ Đ, với bản cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đ Đ, biên bản khám nghiệm hiện trường, biên bản khám xe, biên bản khám nghiệm tử thi và với các tài liệu chứng cứ khác đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy đã có đủ cơ sở kết luận bị cáo L đã phạm tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ”. Căn cứ vào Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội và khoản 2 Điều 260 Bộ luật hình sự năm 2015 thì hành vi phạm tội của bị cáo L không thuộc trường hợp có lợi cho người phạm tội nên Hội đồng xét xử áp dụng những quy định của Bộ luật hình sự năm 1999 để giải quyết vụ án. Vì vậy bị cáo L đã phạm tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ” theo quy định tại điểm a, c khoản 2 Điều 202 Bộ luật hình sự năm 1999.

[3] Hội đồng xét xử thấy rằng: Tình trạng tai nạn giao thông trong thời gian gần đây ở địa phương nói riêng và tỉnh G nói chung có chiều hướng gia tăng, mức độ ngày càng nghiêm trọng hơn mặc dù các cấp chính quyền đã có nhiều biện pháp ngăn chặn nhưng vẫn không giảm.

[4] Xét về hành vi phạm tội của bị cáo thấy rằng: Phương tiện giao thông đường bộ là nguồn nguy hiểm cao độ nên khi tham gia giao thông luôn có nguy hiểm xảy ra. Bị cáo L điều khiển xe mô tô BKS 81C1–102.71 có dung tích xi lanh trên 50 cm³ mà không có giấy phép lái xe theo quy định, chở theo vợ bị cáo là D ngồi sau trên đoạn đường liên xã. Mặc dù đây là đoạn đường ít xe cộ lưu thông nhưng thời điểm lúc này trời tối, tầm nhìn bị hạn chế lẽ ra bị cáo phải biết luôn có nguy hiểm xảy ra, nhưng bị cáo đã chủ quan, không tuân thủ theo qui định của luật giao thông đường bộ, không chú ý quan sát cho nên đã điều khiển xe chạy lấn sang phần đường phía bên trái theo hướng đi và tông vào bánh trước của xe đạp do cháu Hoàng Đại K điều khiển đang chơi bên phần đường bên trái theo hướng đi của xe mô tô BKS 81C1–10271, hậu quả làm xe đạp cháu K đang điều khiển bị ngã, đồng thời cháu K bị lưỡi cuốc do chị D đang cầm trên tay phải cắt vào vùng cổ, làm cháu K bị chết trên đường đi cấp cứu. Không những vậy sau khi gây tai nạn bị cáo đã bỏ trốn khỏi hiện trường để trốn tránh trách nhiệm. Hành vi của bị cáo L là nguy hiểm cho xã hội và đã phạm vào tội “Vi phạm qui định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ” theo điểm a, c khoản 2 Điều 202 Bộ luật hình sự năm 1999. Vì vậy cần phải xử cho bị cáo một mức án nghiêm tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo, thì mới có tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung cho xã hội.

[5] Tuy nhiên Hội đồng xét xử xem xét: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; Đã bồi thường thỏa đáng cho gia đình bị hại. Bị cáo có nhân thân tốt chưa có tiền án, tiền sự, bị cáo là người dân tộc thiểu số nên trình độ pháp luật còn hạn chế, có hoàn cảnh gia đình khó khăn, gia đình bị cáo là hộ nghèo. Sau khi phạm tội bị cáo đã ra đầu thú. Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp cho bị hại cũng xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là những tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999. Do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1, 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 nên cần áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự năm 1999 khi xem xét lượng hình cho bị cáo là phù hợp. Tuy nhiên dù giảm nhẹ đến đâu cũng cần phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để bị cáo cải thành người có ích cho xã hội.

[6] Đối với chiếc xe đạp do cháu Hoàng Đại K sử dụng, quá trình điều tra xác định xe đạp trên thuộc sở hữu của gia đình ông Hoàng Đình V (là bố của cháu K) nên Cơ quan điều tra Công an huyện Đ Đ đã ra Quyết định trả lại cho chủ sở hữu theo quy định là phù hợp. Đối với chị D sau tai nạn, chị D bị thương nhẹ, chị D không có yêu cầu giám định tổn hại sức khỏe và không yêu cầu bồi thường gì về phần dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét. Đối với chiếc mô tô BKS 81C1-102.71 quá trình điều tra xác định thuộc sở hữu của ông L là bố của bị cáo L. Khi bị cáo L lấy chiếc xe mô tô trên đi làm và gây tai nạn ông L không biết. Vì vậy cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Đ Đ đã ra quyết định trả lại cho chủ sở hữu là phù hợp.

[7] Về dân sự: Sau khi hậu quả xảy ra làm cháu Hoàng Đại K chết, gia đình bị cáo L đã tự nguyện thỏa thuận bồi thường cho gia đình bị hại số tiền 107.000.000 đồng. Đại diện bị hại đã nhận đủ số tiền trên, đồng thời viết đơn bãi nại về dân sự và xin giảm nhẹ cho bị cáo L. Tại phiên tòa hôm nay không ai có yêu cầu gì về phần dân sự nên Hội đồng xét xử không xét.

[8] Về vật chứng: 01 chiếc cuốc, lưỡi bằng kim loại, kích thước 27 cm x 20 cm; cán bằng gỗ dài 93 cm, đường kính rộng 03 cm do bị cáo L giao nộp. Tại phiên tòa không ai có yêu cầu nhận lại và xét không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

[9] Về án phí: Gia đình bị cáo L là hộ nghèo. Bị cáo có đơn xin miễn tiền án phí và tại phiên tòa hôm nay bị cáo cũng xin được miễn tiền án phí. Căn cứ điểm d Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bị cáo L miễn nộp án phí Hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị cáo L phạm tội “**Vi phạm qui định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ**”.

- Áp dụng: điểm a, c khoản 2, Điều 202; điểm b, p khoản 1, 2 Điều 46; Điều 47 Bộ luật hình sự năm 1999:

Xử phạt: Bị cáo L 24 (*Hai mươi bốn*) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày có biên bản bắt thi hành án.

- Căn cứ: điểm c, khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Xử tịch thu và tiêu hủy: 01 chiếc cuốc, lưỡi bằng kim loại, kích thước 27 cm x 20 cm; cán bằng gỗ dài 93 cm, đường kính rộng 03 cm.

Theo biên bản giao nhận vật chứng giữ Công an huyện Đ Đ với Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ Đ, ngày 11 tháng 01 năm 2018.

- Căn cứ: điểm đ Điều 12; khoản 6 Điều 15 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Bị cáo L miễn nộp án phí hình sự sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 19/01/2018) bị cáo, người đại diện hợp pháp cho bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền làm đơn kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai để yêu cầu xét xử phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh G.
- VKSND tỉnh G.
- VKSND huyện Đ Đ.
- CA huyện Đ Đ.
- Bị cáo.
- Người ĐDHP
- Người có QLNVLQ
- Chi cục THADS huyện Đ Đ.
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Bùi Viết Minh Quân